



gé lí

蛤蜊

noun · clam

Example Sentences

wǒ men zài hǎi biān wā le hěn duō gé lí
我们在海边挖了很多蛤蜊。

We dug up many clams at the seaside.

zhè dào cài yòng xīn xiān de gé lí hé suàn róng chǎo zhì ér chéng
这道菜用新鲜的蛤蜊和蒜蓉炒制而成。

This dish is made by stir-frying fresh clams with minced garlic.

Trace each character, then write the word on your own.

蛤	蛤	蛤	蛤	蛤	蛤	蛤	蛤	蛤	蛤	蛤
蛤	蛤	蛤	蛤							
蜊	蜊	蜊	蜊	蜊	蜊	蜊	蜊	蜊	蜊	蜊
蜊	蜊	蜊	蜊	蜊						